

*

Số 299 - HD/HNDTW

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2026

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện Nội dung 02 - Nội dung thành phần 08 - Hợp phần thứ nhất
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững
và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030**

Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 304-QĐ/TW ngày 10/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026-2030”;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 1332/BNNMT-VPĐP ngày 09/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Nhằm hướng dẫn Hội Nông dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*), Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam hướng dẫn thực hiện Nội dung 02 - Nội dung thành phần 08 - Hợp phần thứ nhất trong Chương trình như sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn này hướng dẫn thực hiện Nội dung 02 - Nội dung thành phần 08 - Hợp phần thứ nhất trong Chương trình theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Đối tượng áp dụng

- Các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội, các cấp Hội Nông dân, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình.

- Hội viên, nông dân, chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, các chủ trang trại, gia trại và các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Việc tổ chức thực hiện các nội dung trong Hướng dẫn này phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Bảo đảm thực hiện các nội dung theo hướng tích hợp, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với nhiệm vụ công tác Hội, phong trào nông dân và các chương trình, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, vùng, miền.

3. Các văn bản viện dẫn, quy định hiện hành được áp dụng để thực hiện các hoạt động/nhiệm vụ theo nội dung trong Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

III. NỘI DUNG

1. Nội dung thực hiện

1.1. Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”. Mục tiêu, dự kiến kết quả đạt được:

- Hàng năm có từ 60% số hộ nông dân trở lên đăng ký phần đầu và có từ 50% số hộ đăng ký trở lên đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.

- Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng cho 250.000 nông dân xuất sắc, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp.

- Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh giỏi cấp trung ương, cấp tỉnh tăng ít nhất 10%.

- Thành lập trên mỗi địa bàn cấp xã hoặc liên xã ít nhất 01 Câu lạc bộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

- Xây dựng trên mỗi địa bàn cấp xã ít nhất 01 mô hình liên kết, hợp tác có hiệu quả do hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc làm nòng cốt.

1.2. Triển khai xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”. Mục tiêu, dự kiến kết quả đạt được:

- Thành lập mới 25.000 tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, 2.500 chi Hội Nông dân nghề nghiệp.

- 100% cán bộ Hội các cấp và hội viên nông dân có kiến thức về tổ chức, hoạt động của chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”.

- 100% Chi hội trưởng, Tổ hội trưởng có kiến thức về quản lý, điều hành, vận hành các mô hình “3 trong 1”, “4 trong 1”, “5 trong 1”.

- 100% thành viên chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp có kiến thức về sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế tập thể, sản phẩm OCOP; chuyển đổi số; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

1.3. Triển khai thực hiện Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”. Mục tiêu, dự kiến kết quả đạt được:

- Tư vấn, hỗ trợ thành lập mới ít nhất 750 hợp tác xã, 4.000 tổ hợp tác trong nông nghiệp; củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động cho 1.500 hợp tác xã nông nghiệp do các cấp Hội Nông dân vận động, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập.

- Thu hút thêm 10% số hộ hội viên nông dân tham gia các tổ chức kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

- Hỗ trợ ít nhất 15% số chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp phát triển thành hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp.

- Có ít nhất 45% số hợp tác xã nông nghiệp do Hội Nông dân hỗ trợ thành lập tham gia liên kết sản xuất, kinh doanh với doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác; 30% số hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng.

- 100% cán bộ Hội Nông dân các cấp làm công tác hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế tập thể; ít nhất 90% số cán bộ chủ chốt hợp tác xã nông nghiệp do Hội Nông dân hỗ trợ thành lập được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ.

1.4. Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn

2026-2030". Mục tiêu, dự kiến kết quả đạt được:

- Trên 95% hộ hội viên nông dân sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm.

- Tư vấn, hỗ trợ ít nhất 3.000 Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, 18.000 Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn.

- Hướng dẫn, hỗ trợ ít nhất 1.500 hợp tác xã, 4.500 tổ hợp tác trong nông nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn, trong đó có ít nhất 300 hợp tác xã kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

- 100% sản phẩm OCOP nông sản thực phẩm do Hội Nông dân vận động, tư vấn, hỗ trợ được truy xuất nguồn gốc.

- 100% cán bộ Hội Nông dân làm công tác tư vấn, hỗ trợ được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ nông dân sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn.

(Chi tiết nội dung thực hiện tại Phụ lục 01, 02, 03, 04 kèm theo)

2. Chi hỗ trợ cho các hoạt động/nhiệm vụ

- Kinh phí thực hiện các hoạt động/nhiệm vụ theo Hướng dẫn được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình *(kinh phí thường xuyên)*.

- Định mức chi hỗ trợ để thực hiện các hoạt động/nhiệm vụ trong Hướng dẫn được áp dụng theo các văn bản do cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định về việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước, về định mức kinh tế kỹ thuật trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

- Các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ, hằng năm xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước theo quy định để triển khai thực hiện các nội dung theo Hướng dẫn.

- Báo Nông thôn Ngày nay, Ban Công tác Nông dân tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình trên hệ thống truyền thông.

- Giao Ban Công tác Nông dân là đơn vị đầu mối tổng hợp, tham mưu trình Thường trực Trung ương Hội phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ và dự toán kinh phí hằng năm để gửi các cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn ngân sách Trung ương theo quy định; chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Hướng dẫn; định kỳ tham mưu báo cáo của Trung ương Hội gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo trước ngày 30 tháng 6 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm.

2. Hội Nông dân tỉnh, thành phố

- Căn cứ Hướng dẫn này, hằng năm xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện; chủ động tham mưu, báo cáo với tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo của tỉnh, thành phố (nếu có) trong quá trình thực hiện các nội dung theo Hướng dẫn.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Hội Nông dân cấp xã triển khai thực hiện các nội dung theo Hướng dẫn này, hằng năm xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, hội viên, nông dân tham gia thực hiện Chương trình.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, giải quyết hoặc đề xuất, kiến nghị giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện; định kỳ lập báo cáo (theo mẫu Phụ lục 05 kèm theo), gửi về Trung ương Hội trước ngày 20 tháng 6 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng, trước ngày 20 tháng 12 đối với báo cáo năm.

3. Hiệu lực áp dụng

- Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Trung ương Hội Nông dân Việt Nam để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo CTMTQGXDN TM (để b/c),
- Đ/c Chủ tịch UBTW MTTQ Việt Nam (để b/c),
- BTT UBTW MTTQ Việt Nam,
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để p/hợp),
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (để p/hợp),
- Bộ Tài chính (để p/hợp),
- UBND tỉnh, thành phố (để p/hợp),
- Thường trực TW Hội (để c/đạo),
- Các Ban, đơn vị TW Hội (để t/hiện),
- Hội Nông dân tỉnh, thành phố (để t/hiện),
- Lưu VT.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Lương Quốc Đoàn



PHỤ LỤC 01

Hướng dẫn triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”

(Kèm theo Hướng dẫn số 299 - HD/HNDTW ngày 08/5/2026 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)



1. Thông tin, tuyên truyền, vận động, tập hợp, đoàn kết nông dân tham gia thực hiện Phong trào

1.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức tuyên truyền (đăng tải tin, bài, video, clip, phóng sự...) trên hệ thống phương tiện truyền thông, ứng dụng các nền tảng số.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến tại các cuộc sinh hoạt chi Hội, tổ Hội, Câu lạc bộ của nông dân, các hội thi, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, đối thoại chính sách.

- Xây dựng, ban hành các tài liệu tuyên truyền như: Ấn phẩm truyền thông, biên tập tài liệu, sổ tay, tờ rơi, tờ gấp.

- Tổ chức các hoạt động tham quan học tập các mô hình hoạt động hiệu quả, các cách làm hay, sáng tạo, các gương nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi điển hình, tiêu biểu trong và ngoài địa phương.

- Tổ chức cho hội viên, nông dân đăng ký đạt danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp hằng năm.

1.2. Nội dung thông tin, tuyên truyền

- Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội về đổi mới, nâng cao chất lượng Phong trào; các quy định, tiêu chuẩn công nhận danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.

- Các văn bản hướng dẫn thành lập Câu lạc bộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”, thực hiện nội dung Tiêu chí “3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định” thuộc Tiêu chí “3. Phát triển kinh tế nông thôn” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Các cách làm hay, sáng tạo, các tấm gương nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi điển hình, tiêu biểu, các tấm gương nông dân vượt khó vươn lên thoát nghèo trong Phong trào.

- Các mô hình kinh tế hộ, trang trại, gia trại, hợp tác, liên kết tiêu biểu; các chuỗi giá trị nông sản, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

- Tuyên truyền, đăng tải danh sách các hộ đạt danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp trên các phương tiện truyền thông.

1.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Xây dựng, in ấn tài liệu, tin, bài, video, clip, phóng sự để tuyên truyền trên hệ thống truyền thông, ứng dụng các nền tảng số, tại các cuộc sinh hoạt chi Hội, tổ Hội, Câu lạc bộ của nông dân.

- Tổ chức các hội thi, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, đối thoại chính sách để tuyên truyền.

- Xây dựng, biên tập, in ấn, phát hành các ấn phẩm truyền thông, tài liệu, sổ tay, tờ rơi, tờ gấp.

- Tổ chức các hoạt động tham quan học tập mô hình hiệu quả, tiêu biểu trong và ngoài địa phương.

1.4. Đối tượng thông tin, tuyên truyền, vận động

- Hội viên, nông dân; nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi; thành viên Câu lạc bộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, thành viên chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

2. Thành lập, củng cố nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các Câu lạc bộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”

2.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thành lập mới, củng cố nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các Câu lạc bộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi” theo Hướng dẫn số 97-HD/HNDTW ngày 23/7/2024 và Công văn số 1966-CV/HNDTW ngày 19/11/2025 của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

- Tổ chức các hội nghị thành lập, ra mắt mô hình Câu lạc bộ.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức; tham quan, học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình.

- Kiểm tra, giám sát, tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng mô hình.

- Xây dựng, đăng tải tin, bài, video, clip, phóng sự tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các mô hình hoạt động hiệu quả trên các phương tiện truyền thông.

2.2. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức các hội nghị triển khai thành lập, ra mắt mô hình Câu lạc bộ.

- Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn thành lập mới Câu lạc bộ, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực quản trị, quản lý, điều hành; trình độ, kỹ năng sản xuất, kinh doanh cho các thành viên Câu lạc bộ.

- Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát mô hình; hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng mô hình.

- Tổ chức xây dựng, biên tập, đăng tải tin, bài, video, clip, phóng sự tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các mô hình hoạt động hiệu quả để nhân rộng.

2.3. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi có nhu cầu tham gia Câu lạc bộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”.

- Thành viên các Câu lạc bộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”.

3. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ Hội, hội viên, nông dân

3.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ Hội và hội viên, nông dân.

- Tổ chức cho học viên tham quan học tập các mô hình hoạt động hiệu quả, các cách làm hay, sáng tạo trong và ngoài địa phương.

3.2. Nội dung đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Các kiến thức về kinh tế nông nghiệp, kinh tế số, kinh tế hợp tác, chuỗi giá trị nông sản, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; nông nghiệp sinh thái, xanh, giảm phát thải, hữu cơ, tuần hoàn, thông minh, công nghệ cao; nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, tái chế phế, phụ phẩm nông nghiệp; nông nghiệp kết hợp du lịch, dịch vụ kinh doanh nông sản; quản trị, quản lý kinh tế.

- Các kiến thức về công nghệ thông tin, công nghệ số, sử dụng thiết bị thông minh, dịch vụ số trong sản xuất, kinh doanh.

- Các kiến thức, quy định về xây dựng, đăng ký, quản lý, sử dụng nhãn hiệu sản phẩm; các kỹ năng phát triển, quảng bá thương hiệu, bán hàng, kết nối thị trường; thông tin thị trường nông sản trong nước và thị trường nhập khẩu nông sản.

- Các nội dung khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc.

- Các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, chương trình OCOP.

- Các kiến thức, kỹ năng về quản lý kinh tế hộ, kinh tế trang trại; quản trị hợp tác xã, doanh nghiệp.

(Ngoài các nội dung trên, tùy theo đặc điểm cụ thể của từng địa phương, có thể bổ sung các chuyên đề đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu thực tế, đối tượng hội viên, nông dân).

3.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng.
- Tổ chức cho học viên tham quan học tập các mô hình hoạt động hiệu quả, các cách làm hay, sáng tạo.

3.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân; nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi; thành viên Câu lạc bộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, thành viên chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.
- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

4. Tổ chức các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ cho nông dân nhằm phát triển toàn diện Phong trào ở các địa bàn

4.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông sản.
- Tổ chức các lớp tập huấn, diễn đàn, tọa đàm để phổ biến chính sách, pháp luật trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông sản.
- Xây dựng mô hình điểm để tuyên truyền, nhân rộng.

4.2. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Hỗ trợ vật tư đầu vào trong nông nghiệp; kết nối thị trường, tổ chức hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, quảng bá, liên kết tiêu thụ nông sản, hàng hóa; đưa nông sản hàng hóa lên sàn thương mại điện tử.
- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, vùng nuôi, mã số cơ sở đóng gói, đăng ký, bảo hộ thương hiệu hàng hoá, kiểm soát an toàn thực phẩm.
- Hỗ trợ đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hiện đại gắn với quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn thực phẩm.
- Hỗ trợ ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến, công nghệ mới vào sản xuất, bảo quản, chế biến, ưu tiên công nghệ cao, sinh học, an toàn thực phẩm.
- Hỗ trợ nông dân liên kết với nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp thực hiện chuyển giao khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản.

- Hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã để sản xuất theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

- Giới thiệu, tạo việc làm cho nông dân sau khi học nghề, chuyển đổi nghề.

- Hoạt động ký kết, triển khai các chương trình phối hợp giữa Hội Nông dân các tỉnh/thành phố hỗ trợ liên kết, quảng bá, tiêu thụ nông sản, hàng hóa.

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm về nông nghiệp sinh thái, xanh, giảm phát thải, hữu cơ, tuần hoàn, thông minh, công nghệ cao; nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, tái chế phế, phụ phẩm nông nghiệp; nông nghiệp kết hợp du lịch, dịch vụ kinh doanh nông sản; hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị nông sản, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

- Xây dựng thí điểm một số mô hình khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ xây dựng, chứng nhận, phát triển các sản phẩm OCOP (Khảo sát, xác định giá trị đặc trưng của sản phẩm; xây dựng tiêu chuẩn; xây dựng câu chuyện; thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc; xây dựng hồ sơ; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; quảng bá và phát triển thương hiệu sản phẩm...).

- Tập huấn, tư vấn, phổ biến chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, an toàn thực phẩm; các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng hàng hóa nông sản, an toàn thực phẩm.

- Tư vấn, trợ giúp pháp lý trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông sản.

(Ngoài các nội dung trên, hỗ trợ vốn cho nông dân từ nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân, vốn ủy thác của các ngân hàng để mở rộng phát triển sản xuất, kinh doanh; ưu tiên hỗ trợ vốn vay khởi nghiệp, sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn)

4.3. Đối tượng hỗ trợ

Hội viên, nông dân; nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi; thành viên Câu lạc bộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, thành viên chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

5. Tổ chức các hoạt động tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân thành lập, phát triển doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp

5.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập, phát triển doanh nghiệp.

- Tổ chức các lớp tập huấn, diễn đàn, tọa đàm để phổ biến chính sách, pháp luật, định hướng thành lập doanh nghiệp.

5.2. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tuyên truyền, vận động chuyển đổi mô hình hộ nông dân sang thành lập doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.

- Nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi mô hình kinh tế hộ nông dân sang mô hình kinh tế hộ kinh doanh.

- Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp, công ty trong lĩnh vực nông nghiệp (Tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp; hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, chuẩn bị hồ sơ, thực hiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, các thủ tục hành chính ban đầu sau khi thành lập doanh nghiệp như khắc dấu, đăng ký mã số thuế, mở tài khoản, đăng ký hóa đơn điện tử...).

- Hỗ trợ quảng bá thương hiệu, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bình đẳng của doanh nghiệp do nông dân làm chủ.

- Hỗ trợ chuyển đổi số nội bộ cho doanh nghiệp do nông dân làm chủ (Tiếp cận công nghệ số, phần mềm quản lý tài chính, quản trị chuỗi cung ứng, hệ thống kết nối kinh doanh, minh bạch hóa thông tin, cung cấp dữ liệu...).

- Hỗ trợ đào tạo kỹ năng quản trị (Nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng đàm phán hợp đồng cho đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ).

- Hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp sau thành lập.

5.3. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ do hội viên, nông dân làm chủ.

6. Đánh giá, bình xét danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp

6.1. Hình thức thực hiện

Tổ chức các hội nghị bình xét, đánh giá, công nhận danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.

6.2. Nội dung đánh giá, bình xét

- Bình xét, đánh giá, công nhận danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp hằng năm theo Quyết định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024, Quyết định số 2103-QĐ/HNDTW ngày 03/11/2025 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

- Đánh giá, công nhận đạt Tiêu chí “3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định” thuộc Tiêu chí “3. Phát triển kinh tế nông thôn” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 theo Hướng dẫn số 286-HD/HNDTW ngày 24/3/2026 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

6.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- In ấn, nhân sao hồ sơ tài liệu phục vụ việc bình xét, đánh giá, công nhận danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp; đánh giá, công nhận đạt Tiêu chí “3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định”.

- Tổ chức các hội nghị bình xét, đánh giá, công nhận danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.

- Tổ chức các hội nghị bình xét, đánh giá, công nhận đạt Tiêu chí “3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định” thuộc Tiêu chí “3. Phát triển kinh tế nông thôn” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

6.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội Nông dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Hội viên, nông dân đăng ký đạt danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.

7. Kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết, biểu dương khen thưởng, nhân rộng Phong trào

7.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Phong trào tại các cấp Hội; phối hợp, lồng ghép với kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ công tác Hội, phong trào nông dân.

- Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng trong triển khai thực hiện Phong trào.

7.2. Nội dung thực hiện

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong triển khai thực hiện Phong trào theo Nghị quyết số 06-NQ/HNDTW ngày 05/02/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam Khóa VIII về “Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững trong giai đoạn mới”.

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Phong trào; biểu dương, khen thưởng nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, các tấm gương điển hình trong thực hiện Phong trào, trong đó:

+ Hội Nông dân cấp xã tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá phong trào hàng năm, việc tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào cấp xã do Hội Nông dân cấp tỉnh quy định phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

+ Hội Nông dân cấp tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào của cấp mình từ 1 đến 2 lần trong giai đoạn 5 năm.

+ Trung ương Hội tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi toàn quốc theo giai đoạn 5 năm 01 lần.

7.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Phong trào.
- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Phong trào.
- Biểu dương, khen thưởng nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, các tấm gương điển hình trong thực hiện Phong trào.

7.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội Nông dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.
 - Hội viên, nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.
-

PHỤ LỤC 02

Hướng dẫn triển khai xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”

(Kèm theo Hướng dẫn số 299 - HD/HNDTW ngày 08/5/2026 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)



1. Thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về xây dựng chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp

1.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức tuyên truyền (đăng tải tin, bài, video, clip, phóng sự...) trên hệ thống phương tiện truyền thông, ứng dụng các nền tảng số.
- Tổ chức tuyên truyền tại các cuộc sinh hoạt chi Hội, tổ Hội, Câu lạc bộ của nông dân.
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, hội thi, sinh hoạt chuyên đề tuyên truyền, tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm.
- Xây dựng, ban hành ấn phẩm truyền thông, tài liệu, sổ tay, tờ rơi, tờ gấp.

1.2. Nội dung thông tin, tuyên truyền

- Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp nông dân, nông thôn; phát triển kinh tế tập thể.
- Vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.
- Nguyên tắc tổ chức, hoạt động theo “5 tự”, “5 cùng”.
- Các mô hình chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp hoạt động hiệu quả.
- Kiến thức khoa học kỹ thuật, kỹ năng quản lý, thông tin thị trường, chuyển đổi số trong nông nghiệp.

1.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Xây dựng, in ấn tài liệu, tin, bài, video, clip, phóng sự để tuyên truyền trên hệ thống truyền thông, ứng dụng các nền tảng số, tại các cuộc sinh hoạt chi Hội, tổ Hội, Câu lạc bộ của nông dân.
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, hội thi, sinh hoạt chuyên đề để thông tin, tuyên truyền.
- Xây dựng, biên tập, in ấn, phát hành các ấn phẩm truyền thông, tài liệu, sổ tay, tờ rơi, tờ gấp.
- Tổ chức các hoạt động tham quan học tập mô hình hiệu quả, tiêu biểu trong và ngoài địa phương.

1.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân, chủ gia trại, trang trại, Chi hội trưởng, Tổ hội trưởng.
- Cán bộ chủ chốt của các hợp tác xã, tổ trưởng các tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

2. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho cán bộ, hội viên nông dân về xây dựng chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp

2.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề.
- Tổ chức tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm xây dựng mô hình.

2.2. Nội dung tập huấn, bồi dưỡng

- Kiến thức về tổ chức, hoạt động của chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”.
- Kỹ năng xây dựng, vận hành các mô hình “3 trong 1”, “4 trong 1”, “5 trong 1”.
- Kỹ năng quản lý, điều hành, tuyên truyền, vận động, tổ chức sinh hoạt chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.
- Kiến thức về nông nghiệp sinh thái, xanh, giảm phát thải, hữu cơ, tuần hoàn, thông minh, công nghệ cao; nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, tái chế phế, phụ phẩm nông nghiệp; nông nghiệp kết hợp du lịch, dịch vụ kinh doanh nông sản.
- Kiến thức về phát triển kinh tế tập thể, sản phẩm OCOP, liên kết theo chuỗi giá trị, chuyển đổi số trong nông nghiệp.
- Kiến thức khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chế biến, bảo quản, bảo vệ môi trường.
- Kiến thức về xây dựng, đăng ký, quản lý, sử dụng nhãn hiệu sản phẩm; các kỹ năng phát triển, quảng bá thương hiệu, bán hàng, kết nối thị trường, xúc tiến thương mại, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

(Ngoài các nội dung trên, tùy theo đặc điểm cụ thể của từng địa phương, có thể bổ sung các chuyên đề đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu thực tế, đối tượng hội viên, nông dân).

2.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề.
- Tổ chức tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm xây dựng mô hình.

2.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân, Chi hội trưởng, Tổ hội trưởng.

- Cán bộ chủ chốt của các hợp tác xã, tổ trưởng các tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

3. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ thành lập, xây dựng, phát triển mô hình chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp

3.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức thành lập, ra mắt các mô hình chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức.

- Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

3.2. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức các cuộc họp, hội nghị để triển khai thành lập, ra mắt mô hình chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; hoạt động chỉ đạo kiểm tra, giám sát mô hình; hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng mô hình.

- Hỗ trợ các hoạt động hình thành các mô hình “3 trong 1”, “4 trong 1”, “5 trong 1”.

- Tập huấn kiến thức về sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm; chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ giống (cây, con), vật tư đầu vào, thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, vùng nuôi, mã số cơ sở đóng gói, đăng ký, bảo hộ thương hiệu hàng hoá, kiểm soát an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ xây dựng, chứng nhận, phát triển các sản phẩm OCOP (Khảo sát, xác định giá trị đặc trưng của sản phẩm; xây dựng tiêu chuẩn; xây dựng câu chuyện; thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc; xây dựng hồ sơ; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; quảng bá và phát triển thương hiệu sản phẩm...).

- Hỗ trợ kết nối thị trường, tổ chức hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, quảng bá, liên kết tiêu thụ nông sản, hàng hóa; đưa nông sản hàng hóa lên sàn thương mại điện tử.

- Tổ chức cho cán bộ, hội viên tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm xây dựng mô hình hiệu quả trong và ngoài địa phương.

(Ngoài các nội dung trên, hỗ trợ các chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh)

3.3. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân; Chi hội trưởng, Tổ hội trưởng, thành viên chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

4. Kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết, biểu dương khen thưởng, nhân rộng mô hình chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp

4.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả xây dựng mô hình.

- Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết, biểu dương khen thưởng, nhân rộng những mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo.

4.2. Nội dung thực hiện

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả đã đạt được, những ưu điểm, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân trong triển khai xây dựng mô hình.

- Sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng mô hình; biểu dương khen thưởng những tấm gương điển hình, mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo trong triển khai xây dựng mô hình chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

4.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai xây dựng mô hình.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả xây dựng mô hình.

- Biểu dương, khen thưởng những tấm gương điển hình, mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo trong triển khai xây dựng mô hình.

4.4. Đối tượng hỗ trợ

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

- Chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

PHỤ LỤC 03

Hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”



(Kèm theo) Hướng dẫn số 299 - HD/HNDTW ngày 08/5/2026 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)

1. Thông tin, tuyên truyền về phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp

1.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức tuyên truyền (đăng tải tin, bài, video, clip, phóng sự...) trên hệ thống phương tiện truyền thông, ứng dụng các nền tảng số.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến tại các cuộc sinh hoạt chi Hội, tổ Hội, Câu lạc bộ của nông dân, các hội thi, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, đối thoại chính sách.
- Xây dựng, ban hành các tài liệu tuyên truyền như: Ấn phẩm truyền thông, biên tập tài liệu, sổ tay, tờ rơi, tờ gấp.
- Tổ chức các hoạt động tham quan học tập các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động hiệu quả, tiêu biểu trong và ngoài địa phương.

1.2. Nội dung thông tin, tuyên truyền

- Chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã, về hợp tác, liên kết trong nông nghiệp.
- Các nghị quyết, văn bản của Trung ương Hội về phát triển kinh tế tập thể, phong trào “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp”; hướng dẫn thành lập hợp tác xã nông nghiệp (Hướng dẫn số 98-HD/HNDTW ngày 23/7/2024 và Công văn số 1967-CV/HNDTW ngày 19/11/2025 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam).
- Các mô hình kinh tế tập thể, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả, tiêu biểu, các tấm gương, điển hình tiên tiến về hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp.
- Tuyên truyền các hội nghị biểu dương các hợp tác xã tiêu biểu, các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế tập thể.

1.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Xây dựng, in ấn tài liệu, tin, bài, video, clip, phóng sự để tuyên truyền trên hệ thống truyền thông, ứng dụng các nền tảng số, tại các cuộc sinh hoạt chi Hội, tổ Hội, Câu lạc bộ của nông dân.
- Tổ chức các hội thi, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, đối thoại chính sách để tuyên truyền.

- Xây dựng, biên tập, in ấn, phát hành các ấn phẩm truyền thông, tài liệu, sổ tay, tờ rơi, tờ gấp.

- Tổ chức các hoạt động tham quan học tập mô hình hiệu quả, tiêu biểu trong và ngoài địa phương.

1.4. Đối tượng thông tin, tuyên truyền

- Hội viên, nông dân; thành viên chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

2. Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức về phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp

2.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn chia sẻ thông tin, kinh nghiệm.

- Tổ chức tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm.

2.2. Nội dung tập huấn, bồi dưỡng

a) Đối với hội viên, nông dân:

- Chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã, về hợp tác, liên kết trong nông nghiệp.

- Các nghị quyết, văn bản của Trung ương Hội về phát triển kinh tế tập thể, phong trào “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp”; hướng dẫn thành lập hợp tác xã nông nghiệp (Hướng dẫn số 98-HD/HNDTW ngày 23/7/2024 và Công văn số 1967-CV/HNDTW ngày 19/11/2025 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam).

- Các chủ trương, văn bản của Trung ương Hội về phát triển chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp hoạt động theo “5 tự”, “5 cùng”.

- Các quy định về tập trung, tích tụ đất nông nghiệp, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp để tổ chức sản xuất quy mô lớn.

- Các kiến thức về nông nghiệp sinh thái, xanh, giảm phát thải, hữu cơ, tuần hoàn, thông minh, công nghệ cao; nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, tái chế phế, phụ phẩm nông nghiệp; nông nghiệp kết hợp du lịch, dịch vụ kinh doanh nông sản.

- Các kiến thức về hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến, kinh doanh; chuỗi giá trị nông sản.

- Các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp hoạt động hiệu quả, các tấm gương, điển hình tiên tiến về hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

b) Đối với thành viên chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp:

- Các kiến thức về nông nghiệp sinh thái, xanh, giảm phát thải, hữu cơ, tuần hoàn, thông minh, công nghệ cao; nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, tái chế phế, phụ phẩm nông nghiệp; nông nghiệp kết hợp du lịch, dịch vụ kinh doanh nông sản.

- Các kiến thức, kỹ năng về sản xuất, chế biến, kinh doanh; chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng; quản lý, quản trị, điều hành; chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Các kiến thức về xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, vùng nuôi, mã số cơ sở đóng gói, đăng ký, bảo hộ thương hiệu hàng hoá, kiểm soát an toàn thực phẩm.

- Các kiến thức về thị trường, xúc tiến thương mại, quảng bá, liên kết tiêu thụ nông sản, hàng hóa.

- Các thành tựu khoa học công nghệ, công nghệ mới trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản.

- Các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, điển hình.

c) Đối với cán bộ Hội Nông dân:

- Chủ trương, chính sách, pháp luật, kiến thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã; hợp tác, liên kết chuỗi giá trị; kỹ năng thuyết trình, tuyên truyền, vận động.

- Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

(Ngoài các nội dung trên, tùy theo đặc điểm cụ thể của từng địa phương để bổ sung các chuyên đề đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho phù hợp).

2.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn chia sẻ thông tin, kinh nghiệm về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nông nghiệp.

- Tổ chức tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, các mô hình hay, cách làm sáng tạo.

2.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân; thành viên chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp; người quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

3. Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập mới; củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp

3.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập, củng cố các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.
- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm cho các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

3.2. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp:

- Tập huấn, hướng dẫn các bước thành lập các hợp tác xã nông nghiệp (theo Hướng dẫn số 98-HD/HNDTW ngày 23/7/2024 và Công văn số 1967-CV/HNDTW ngày 19/11/2025 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam); các bước thành lập các tổ hợp tác trong nông nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh cho các tổ hợp tác, xây dựng dự thảo Điều lệ, phương án sản xuất, kinh doanh, phương án tổ chức quản trị của hợp tác xã; tổ chức các cuộc họp, hội nghị lấy ý kiến để hoàn thiện.

- Hỗ trợ tổ chức các hội nghị thành lập, ra mắt tổ hợp tác, hợp tác xã.

b) Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ củng cố tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp:

- Tổ chức khảo sát, đánh giá, phân loại các tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động hiệu quả, không hiệu quả, ngừng hoạt động.

- Hỗ trợ tổ chức sắp xếp, tái cơ cấu, tổ chức lại các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp hoạt động không hiệu quả, ngừng hoạt động.

- Hỗ trợ hoàn thiện, sửa đổi điều lệ; hướng dẫn thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh.

c) Hỗ trợ phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp:

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp và thành viên.

- Hỗ trợ giống, vật tư đầu vào, đầu tư trang thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh nông sản.

- Hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến, ứng dụng các thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất, bảo quản, chế biến, ưu tiên công nghệ cao, sinh học, an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh, phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, vùng nuôi, mã số cơ sở đóng gói, đăng ký, bảo hộ thương hiệu hàng hoá, kiểm soát an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ xây dựng, chứng nhận, phát triển các sản phẩm OCOP (Khảo sát, xác định giá trị đặc trưng của sản phẩm; xây dựng tiêu chuẩn; xây dựng câu chuyện; thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc; xây dựng hồ sơ; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; quảng bá và phát triển thương hiệu sản phẩm...).

- Hỗ trợ kết nối thị trường, tổ chức hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, quảng bá, liên kết tiêu thụ nông sản, hàng hóa; đưa sản phẩm hàng hóa lên sàn thương mại điện tử.

- Hỗ trợ hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp để sản xuất theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

- Hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận nguồn vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

d) Hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả để tuyên truyền, học tập, nhân rộng (bao gồm các nội dung hỗ trợ tại điểm a, điểm c khoản 3.2 mục 3 Phụ lục này).

3.3. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân; thành viên chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

- Chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

- Tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

4. Kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết, biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân, các hợp tác xã tiêu biểu

4.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát.

- Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết; biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể, những mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã tiêu biểu.

4.2. Nội dung thực hiện

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp; biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể, những mô hình, hợp tác xã tiêu biểu trong Phong trào “Cán bộ, hội viên, nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp”.

4.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai các hoạt động hỗ trợ.
- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp.
- Biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể, những mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã tiêu biểu.

4.4. Đối tượng hỗ trợ

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.
 - Hội viên, nông dân; chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.
-

PHỤ LỤC 04

Hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn và sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026-2030”

(Kèm theo Hướng dẫn số 299 - HD/HNDTW ngày 08/5/2026 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)

1. Thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức về an toàn thực phẩm

1.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức tuyên truyền (đăng tải tin, bài, video, clip, phóng sự...) trên hệ thống phương tiện truyền thông, ứng dụng các nền tảng số.
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm.
- Treo băng rôn, khẩu hiệu, áp phích; xây dựng, ban hành ấn phẩm truyền thông, tài liệu, sổ tay, phát tờ rơi, tờ gấp trong tháng hành động, các đợt cao điểm về an toàn thực phẩm, tại các lễ hội, điểm du lịch.
- Tổ chức tuyên truyền tại các cuộc sinh hoạt chi Hội, tổ Hội, Câu lạc bộ của nông dân.

1.2. Nội dung thông tin, tuyên truyền

- Chủ trương, chính sách, pháp luật; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; sản xuất nông nghiệp theo chuỗi; sử dụng vật tư nông nghiệp đúng cách; tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn; thực trạng vấn đề an toàn thực phẩm tại địa phương và tầm quan trọng của việc lựa chọn, sử dụng thực phẩm an toàn đối với sức khỏe; vấn đề chứng nhận nông sản, thực phẩm an toàn; các chế tài xử phạt, lên án các hành vi vi phạm; đăng tải danh sách các cơ sở vi phạm an toàn thực phẩm bị xử lý; tạo dư luận xã hội, tẩy chay các sản phẩm, hàng hóa không đảm bảo an toàn thực phẩm.
- Các mô hình tiêu biểu về sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh bảo đảm an toàn thực phẩm, các chuỗi cung ứng nông sản, thực phẩm an toàn.

(Ngoài các nội dung trên, tùy theo đặc điểm cụ thể của từng địa phương để bổ sung các nội dung tuyên truyền cho phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng).

1.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Xây dựng, biên tập, đăng tải tin, bài, video, clip, phóng sự tuyên truyền trên hệ thống các phương tiện truyền thông, ứng dụng các nền tảng số.
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm về an toàn thực phẩm.
- Treo băng rôn, khẩu hiệu, áp phích truyền thông theo chủ đề an toàn thực phẩm.

- Xây dựng, biên tập, in ấn các tài liệu, sổ tay hướng dẫn, tờ rơi, tờ gấp truyền thông về an toàn thực phẩm.

- Tổ chức tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về các mô hình an toàn thực phẩm.

1.4. Đối tượng thông tin, tuyên truyền

- Hội viên, nông dân, chủ trang trại, gia trại, thành viên chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, các chủ thể OCOP và các cơ sở, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức, ý thức chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm

2.1. Hình thức thực hiện: Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng.

2.2. Nội dung tập huấn, bồi dưỡng

- Các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định về sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn.

- Luật An toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Kiến thức chung về an toàn thực phẩm, tầm quan trọng của an toàn thực phẩm đối với sức khỏe, các mối nguy và nguy cơ ngộ độc thực phẩm trong sử dụng thực phẩm.

- Các kiến thức về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thức ăn chăn nuôi, hóa chất trong xử lý nước nuôi.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến an toàn thực phẩm, các quy trình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng) theo tiêu chuẩn chất lượng an toàn; sản xuất nông nghiệp theo chuỗi.

(Ngoài các nội dung trên, tùy theo đặc điểm cụ thể của từng địa phương, có thể bổ sung các chuyên đề tập huấn, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu thực tế, đối tượng sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm).

2.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức, ý thức chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm.

2.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân, thành viên chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp

tác, hợp tác xã nông nghiệp, các chủ thể OCOP và các cơ sở, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

3. Phát động phong trào thi đua, vận động hội viên, nông dân tham gia, ký cam kết, chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn

3.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các hội nghị, lễ phát động phong trào thi đua tại địa phương.

- Tổ chức hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn; lồng ghép trong các buổi sinh hoạt chi, tổ hội, câu lạc bộ của nông dân.

- Tổ chức ký cam kết, chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn.

3.2. Nội dung thực hiện

- Tổ chức phát động Phong trào thi đua “Nông dân nói không với thực phẩm bẩn” gắn với phong trào “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, phong trào “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp”.

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, kiến thức về sản xuất, kinh doanh, chế biến nông sản, thực phẩm an toàn.

- Hướng dẫn, tổ chức ký cam kết, chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn.

3.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức các hội nghị, lễ phát động phong trào thi đua.

- Xây dựng, in ấn, nhân sao các tài liệu tuyên truyền, phổ biến, đăng ký cam kết, chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn.

- Tổ chức hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn, ký cam kết, chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn.

3.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân, chủ trang trại, chủ thể OCOP, các cơ sở, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm nhỏ lẻ (không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm), các chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.

4. Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thực hành về an toàn thực phẩm

4.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn thực hành về an toàn thực phẩm.
- Xây dựng các mô hình điểm để tuyên truyền, nhân rộng.

4.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung tập huấn hướng dẫn thực hành về an toàn thực phẩm:

- Các phương pháp chế biến, bảo quản khoa học, sử dụng đúng cách hóa chất bảo vệ thực vật, an toàn thức ăn chăn nuôi, phân bón, hóa chất xử lý nước nuôi; sử dụng chế phẩm hữu cơ, sinh học.

- Các nội dung về sản xuất, chế biến, bảo quản hóa chất, thức ăn chăn nuôi theo chương trình khung của ngành nông nghiệp.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm:

- Tư vấn, hỗ trợ hội viên, nông dân, chủ trang trại, gia trại xây dựng các mô hình nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, VietGAP; chăn nuôi theo mô hình 3F, VietGAP; nuôi trồng thủy sản hữu cơ, sinh thái, IMTA, Aquaponics, VietGAP.

- Tư vấn, hỗ trợ chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị; áp dụng các quy trình GMP, GHP, biện pháp SPS trong sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

- Tư vấn, hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng (VietGAP, GlobalGAP, HACCP...), áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao; tư vấn, hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp kết nối, tham gia chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

4.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn thực hành về an toàn thực phẩm.

b) Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm:

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật trong xây dựng mô hình.
- Hỗ trợ hội viên, nông dân, chủ gia trại, trang trại:
 - + Hỗ trợ giống, vật tư đầu vào trong sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.
 - + Hỗ trợ thiết bị, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm.
- Hỗ trợ chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp:
 - + Hỗ trợ giống, vật tư đầu vào trong sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

+ Hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

+ Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, tham gia chuỗi giá trị.

+ Hỗ trợ áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt (GMP), chế biến thực hành vệ sinh tốt (GHP), áp dụng các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS) trong sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

+ Hỗ trợ chứng nhận sản xuất, chế biến, kinh doanh bảo đảm an toàn thực phẩm.

+ Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, vùng nuôi.

- Đối với tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp:

+ Hỗ trợ giống, vật tư đầu vào trong sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

+ Hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

+ Hỗ trợ áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao.

+ Hỗ trợ chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, HACCP...

+ Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, vùng nuôi.

+ Hỗ trợ hợp tác xã kết nối, tham gia chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

4.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân, chủ gia trại, trang trại.

- Chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

5. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, gia tăng giá trị nông sản

5.1. Hình thức thực hiện: Xây dựng mô hình điểm để tuyên truyền, nhân rộng.

5.2. Nội dung thực hiện: Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa nông sản, phát triển sản phẩm OCOP, đăng ký mã số vùng trồng, vùng nuôi, xây dựng mã QR Code truy xuất nguồn gốc nông sản; quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

5.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức các lớp tập huấn về các quy định, quy trình xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, chứng nhận sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP...; chương trình OCOP, quy trình xây dựng sản phẩm OCOP; đăng ký mã số vùng trồng, vùng nuôi, xây dựng mã QR Code truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa nông sản (Định vị sản phẩm, xây dựng nhận diện, đăng ký bảo hộ sản phẩm...).

- Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP (Khảo sát, đánh giá vùng trồng, vùng nuôi; thiết lập hồ sơ, nhật ký sản xuất, quy trình sử

dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xử lý sau thu hoạch; tập huấn ghi chép nhật ký, tuân thủ các quy tắc an toàn; đánh giá, đăng ký chứng nhận...).

- Hỗ trợ xây dựng, chứng nhận, phát triển các sản phẩm OCOP (Khảo sát, xác định giá trị đặc trưng của sản phẩm; xây dựng tiêu chuẩn; xây dựng câu chuyện; thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc; xây dựng hồ sơ; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; quảng bá và phát triển thương hiệu sản phẩm...).

- Hỗ trợ đăng ký mã số vùng trồng, vùng nuôi, xây dựng mã QR Code truy xuất nguồn gốc nông sản (Khảo sát, đánh giá vùng trồng, vùng nuôi; hỗ trợ số hóa dữ liệu, thông tin sản phẩm; tạo mã QR Code, in tem, nhãn sản phẩm...).

- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, tiêu thụ sản phẩm (tham gia phiên chợ nông sản, hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, đưa nông sản hàng hóa lên sàn thương mại điện tử...).

5.4. Đối tượng hỗ trợ

- Chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

- Các chủ trang trại, cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

6. Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh gắn với an toàn thực phẩm

6.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các lớp tập huấn.

- Xây dựng mô hình điểm để tuyên truyền, nhân rộng.

6.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung tập huấn, hướng dẫn:

- Các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, công nghệ mạng.

- Các kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị thông minh, công nghệ mạng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Sử dụng sổ nhật ký điện tử, QR Code truy xuất nguồn gốc, ứng dụng IoT, AI, BigData, Blockchain...

- Các mô hình thông minh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Ứng dụng khoa học công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm; ứng dụng các nền tảng số trong quảng bá, tiêu thụ nông sản, tham gia sàn thương mại điện tử...

(Ngoài các nội dung trên, tùy theo đặc điểm cụ thể của từng địa phương, có thể bổ sung các nội dung tập huấn cho phù hợp với thực tế và đối tượng).

b) Xây dựng các mô hình điểm để tuyên truyền, nhân rộng:

- Xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thông minh.
- Xây dựng các mô hình điểm về ứng dụng khoa học công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm.

c) Quảng bá, tiêu thụ nông sản:

- Tổ chức các hội nghị ký kết hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ nông sản giữa Hội Nông dân các tỉnh, thành phố, giữa Hội Nông dân với các công ty, doanh nghiệp, sàn thương mại điện tử.

- Tổ chức các hội nghị xúc tiến, kết nối ký kết hợp đồng, chương trình phối hợp hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, thiết lập các cửa hàng “Nông sản an toàn”.

6.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức các lớp tập huấn.
- Hỗ trợ trang thiết bị, máy móc sử dụng cảm biến, hệ thống tưới, bón phân, phun thuốc tự động, giám sát tự động... trong sản xuất.
- Hỗ trợ xây dựng, sử dụng số nhật ký điện tử, QR Code truy xuất nguồn gốc, ứng dụng IoT, AI, BigData, Blockchain... trong sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm.
- Hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm.
- Hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn trên các nền tảng số, sàn thương mại điện tử.
- Hỗ trợ thành lập, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, nâng cấp các cửa hàng, điểm trưng bày nông sản an toàn do Hội Nông dân quản lý.
- Hỗ trợ tham gia các chương trình tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.
- Hỗ trợ tổ chức các hội nghị xúc tiến, ký kết hợp đồng, chương trình phối hợp quảng bá, tiêu thụ nông sản.

6.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội viên, nông dân.
- Chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

7. Kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội trong lĩnh vực an toàn thực phẩm

7.1. Hình thức thực hiện

- Xây dựng mô hình điểm nông dân giám sát cộng đồng về an toàn thực phẩm.

- Tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề về an toàn thực phẩm (thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát độc lập hoặc liên ngành).

- Tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm lồng ghép, gắn với kiểm tra công tác Hội và phong trào nông dân định kỳ hằng năm.

- Tổ chức các hội nghị, diễn đàn, tọa đàm phản biện trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

7.2. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng mô hình điểm để tuyên truyền, nhân rộng:

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức pháp luật và kỹ năng giám sát cho hội viên, nông dân.

- Hỗ trợ thành lập mô hình Tổ giám sát, Tổ tự quản về an toàn thực phẩm (mỗi tổ có ít nhất 03 hội viên nông dân tham gia, tổ trưởng là Chi hội trưởng chi Hội Nông dân hoặc Tổ hội trưởng Tổ Hội nông dân; tổ hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, tự quản).

- Hỗ trợ các Tổ vay vốn từ nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân, vốn ủy thác từ các ngân hàng tham gia giám sát về an toàn thực phẩm.

- Tổ chức các hội nghị đánh giá, tổng kết mô hình để nhân rộng.

- Biểu dương, khen thưởng các mô hình hay, hiệu quả.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm:

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy định an toàn thực phẩm tại các mô hình do Hội Nông dân các cấp hỗ trợ xây dựng.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm đối với các tổ, nhóm hộ nông dân vay vốn từ nguồn Quỹ Hỗ trợ nông dân, vốn ủy thác từ các ngân hàng.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa của các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; chấp hành an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

- Ngăn chặn, kiến nghị xử lý kịp thời việc sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hóa chất không rõ nguồn gốc trong tất cả các khâu, từ nguyên liệu đến sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

c) Tham gia phản biện xã hội trong lĩnh vực an toàn thực phẩm:

- Trao đổi, thảo luận thực trạng, những tồn tại, hạn chế trong lĩnh vực bảo đảm an toàn thực phẩm, những khó khăn, vướng mắc, rào cản và nguyên nhân trong thực thi chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Đề xuất các giải pháp, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm.

7.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức các lớp tập huấn trong xây dựng mô hình điểm.
- Tổ chức các cuộc họp, hội nghị để triển khai thành lập, ra mắt mô hình; kiểm tra, giám sát mô hình; hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng mô hình.
- Tổ chức biểu dương, khen thưởng các mô hình hay, hiệu quả.
- Tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm.
- Tổ chức hội nghị, diễn đàn, tọa đàm phản biện xã hội trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

7.4. Đối tượng hỗ trợ

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp và các ngành có liên quan.
- Hội viên, nông dân tham gia mô hình giám sát cộng đồng về an toàn thực phẩm.
- Hội viên, nông dân, giám đốc các hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm và các cá nhân tham gia các hội nghị, diễn đàn, tọa đàm phản biện trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

8. Nâng cao chất lượng tham gia hỗ trợ thực hành về an toàn thực phẩm của Hội Nông dân các cấp

8.1. Hình thức thực hiện

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tham quan học tập kinh nghiệm.
- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ.

8.2. Nội dung thực hiện

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, học tập trong và ngoài nước cho lãnh đạo và cán bộ Hội Nông dân các cấp về an toàn thực phẩm.
- Phối hợp với các doanh nghiệp, bảo lãnh cung ứng vật tư đầu vào trong sản xuất nông nghiệp có chất lượng tốt cho nông dân.
- Tổ chức cho nông dân tham gia giới thiệu, quảng bá nông sản, thực phẩm an toàn tại các hội chợ, tuần hàng, lễ hội nông sản, điểm du lịch.
- Tổ chức cho hội viên, nông dân tham quan, học tập kinh nghiệm từ các mô hình điểm, mô hình sản xuất tiên tiến giữa các địa phương, vùng, miền.

8.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, học tập trong và ngoài nước cho lãnh đạo và cán bộ Hội Nông dân các cấp về an toàn thực phẩm.

- Tổ chức các hội chợ, tuần hàng, lễ hội nông sản (do Hội Nông dân chủ trì).
- Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá nông sản, thực phẩm an toàn tại các hội chợ, tuần hàng, lễ hội nông sản, điếm du lịch.
- Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm từ các mô hình điếm, mô hình sản xuất tiên tiến giữa các địa phương, vùng, miền.

8.4. Đối tượng hỗ trợ

- Cán bộ Hội Nông dân các cấp.
- Hội viên, nông dân, thành viên chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, các chủ thể OCOP và các cơ sở, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

9. Sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng trong tham gia thực hiện bảo đảm an toàn thực phẩm

9.1. Hình thức thực hiện

Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết; biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân, các mô hình, tấm gương điển hình trong thực hiện bảo đảm an toàn thực phẩm.

9.2. Nội dung thực hiện

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả tham gia thực hiện bảo đảm an toàn thực phẩm, thực hiện Phong trào thi đua “Nông dân nói không với thực phẩm bẩn”.
- Biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân, các mô hình, tấm gương điển hình trong thực hiện bảo đảm an toàn thực phẩm.

9.3. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
- Biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân, các mô hình, tấm gương điển hình trong thực hiện bảo đảm an toàn thực phẩm.

9.4. Đối tượng hỗ trợ

- Hội Nông dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Hội viên, nông dân; chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp; các chủ trang trại, gia trại, cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

PHỤ LỤC 05

Mẫu báo cáo của Hội Nông dân tỉnh, thành phố
 (Kèm theo Hướng dẫn số 299 - HD/HNDTW ngày 08/5/2026 của
 Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
 BCH HỘI NÔNG DÂN
 TỈNH/THÀNH PHỐ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*

..., ngày ... tháng ... năm...

Số: -BC/HND...

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện Chương trình 6 tháng.../năm...****I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM...****1. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện**

- Kết quả ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các văn bản do Trung ương Hội ban hành.

- Kết quả ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các văn bản do bộ, ngành, UBND tỉnh/thành phố, các sở, ban, ngành cấp tỉnh ban hành.

Nêu cụ thể số lượng văn bản đã ban hành, đối với từng văn bản phải nêu rõ số, ký hiệu, ngày tháng ban hành, tên/trích yếu nội dung văn bản.

2. Công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động

- Kết quả truyền thông, tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cán bộ, hội viên, nông dân về Chương trình.

- Kết quả truyền thông, tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cán bộ, hội viên, nông dân về Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp; bảo đảm an toàn thực phẩm.

Nêu cụ thể các chủ đề/nội dung, các hình thức truyền thông, tuyên truyền như: trên báo, đài phát thanh truyền hình, trang thông tin điện tử (số lượng tin, bài, phóng sự...), thông qua sinh hoạt chi, tổ Hội, câu lạc bộ của nông dân, các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, hội thi (số cuộc, số người tham dự)...

- Kết quả tham gia triển khai phong trào thi đua, các cuộc vận động liên quan đến Chương trình do Trung ương, địa phương phát động.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Kết quả kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Chương trình theo phân công của cấp có thẩm quyền ở địa phương (nếu có).

- Kết quả kiểm tra, giám sát với vai trò thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình ở địa phương (nếu có).

- Kết quả kiểm tra, giám sát việc thực hiện Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp; bảo đảm an toàn thực phẩm.

Nêu cụ thể số lượng các cuộc kiểm tra, giám sát, các hình thức tổ chức (chủ trì/phối hợp, trực tiếp/gián tiếp, lồng ghép/chuyên đề...).

4. Kết quả thực hiện Nội dung 02 - Nội dung thành phần 08 - Hợp phần thứ nhất trong Chương trình

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động về Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”.

Đánh giá theo các nội dung trong Phụ lục 01, trừ các nội dung về tuyên truyền, kiểm tra, giám sát.

- Kết quả thực hiện xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”.

Đánh giá theo các nội dung trong Phụ lục 02, trừ các nội dung về tuyên truyền, kiểm tra, giám sát.

- Kết quả triển khai thực hiện Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”.

Đánh giá theo các nội dung trong Phụ lục 03, trừ các nội dung về tuyên truyền, kiểm tra, giám sát.

- Kết quả triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026-2030”.

Đánh giá theo các nội dung trong Phụ lục 04, trừ các nội dung về tuyên truyền, kiểm tra, giám sát.

Khi đánh giá theo từng nội dung trên, phải nêu cụ thể kết quả đã thực hiện, ví dụ: đối với tập huấn, bồi dưỡng phải nêu cụ thể số lớp, đối tượng, số người tham gia, nội dung/chủ đề tập huấn; đối với hỗ trợ sản xuất, kinh doanh phải nêu cụ thể số lượng mô hình, tên mô hình, số người tham gia mô hình, kinh phí hỗ trợ...

5. Kết quả tham gia thực hiện nhiệm vụ của địa phương

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động khác trong Chương trình (ngoài Nội dung 02 - Nội dung thành phần số 08 - Hợp phần thứ nhất).

Nêu cụ thể kết quả tham gia thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo kế hoạch của địa phương (nếu có) để thực hiện các tiêu chí về:

Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội: Vận động nông dân hiến đất, đóng góp tiền, ngày công lao động xây dựng các tuyến đường giao thông, công trình thủy lợi...

Phát triển kinh tế nông thôn: Vận động, hỗ trợ nông dân phát triển các vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/kinh tế xanh/kinh tế tuần hoàn; phát triển sản phẩm OCOP; các mô hình nông nghiệp gắn với du lịch nông thôn...

Văn hóa, giáo dục, y tế: Vận động nông dân đăng ký, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư tiên tiến; tham gia bảo hiểm y tế...

Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn: Vận động nông dân tham gia học nghề, tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghề, hỗ trợ nông dân chuyển đổi nghề...

Giảm nghèo và an sinh xã hội: Tham gia hỗ trợ thực hiện các mô hình giảm nghèo; vận động hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà cho người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách; hỗ trợ các hộ nông dân sử dụng nước sạch...

Khoa học công nghệ và chuyển đổi số: Vận động, hỗ trợ nông dân tham gia sàn thương mại nông sản điện tử, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, xây dựng thôn thông minh...

Môi trường và cảnh quan nông thôn: Vận động, hỗ trợ nông dân xây dựng các mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; mô hình thu gom chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu; mô hình cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn...

An ninh, quốc phòng: Vận động nông dân tham gia các mô hình tự quản về an ninh trật tự, các tổ hòa giải, tham gia tuần tra bảo vệ đường biên mốc giới...

- Kết quả huy động và sử dụng các nguồn lực.

Nêu cụ thể nguồn vốn được giao, kết quả giải ngân theo kế hoạch được giao.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ CHỦ YẾU, NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ theo trách nhiệm của Hội được phân công

- Những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Nội dung 02 - Nội dung thành phần số 08 - Hợp phần thứ nhất trong Chương trình.

- Nguyên nhân (khách quan và chủ quan).

2. Tồn tại, hạn chế trong thực hiện Chương trình

- Những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện các nội dung thành phần trong triển khai Chương trình.

- Những vấn đề đang là tồn tại, hạn chế; tác động đối với việc triển khai Chương trình.

- Nguyên nhân (khách quan và chủ quan).

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM.... (không áp dụng đối với báo cáo năm)

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nội dung 02 - Nội dung thành phần số 08 - Hợp phần thứ nhất trong Chương trình.

Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra đối với Nội dung 02 - Nội dung thành phần số 08 - Hợp phần thứ nhất trong Chương trình.

- Các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện nhiệm vụ khác trong Chương trình.

Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra đối với các nội dung khác trong Chương trình (thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo kế hoạch của địa phương để thực hiện các tiêu chí).

2. Giải pháp thực hiện

- Đề xuất giải pháp để thực hiện Nội dung 02 - Nội dung thành phần số 08 - Hợp phần thứ nhất trong Chương trình.

- Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, cơ chế lồng ghép, phối hợp để nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị với Trung ương Hội.

2. Đề xuất, kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương.

3. Đề xuất, kiến nghị đối với UBND cấp tỉnh và các sở, ngành liên quan.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với UBND cấp xã.

Nơi nhận:

- Trung ương Hội NDVN (để b/cáo),

-.....

- Lưu:...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký tên, đóng dấu)

